

ĐẶC ĐIỂM KIẾN TRÚC TỔNG THỂ CHÙA HUẾ THỜI NGUYỄN

NGUYỄN NGỌC TÙNG¹, NGUYỄN THỊ MINH XUÂN², TRẦN THÀNH NHÂN³

1. Tổng quan chung

Huế từng được biết đến là kinh đô Phật giáo Việt Nam dưới thời nhà Nguyễn với số lượng chùa chiền nhiều nhất so với bất kỳ địa phương nào trên cả nước [13]. Đạo Phật tồn tại ở vùng đất này từ rất lâu và hòa quyện vào tâm thức, lối sống của con người Huế. Cùng với hệ thống lăng tẩm, cung điện, nhà vườn, phủ đệ thì các ngôi chùa Huế là một yếu tố không thể thiếu được tạo nên tổng thể cấu trúc đô thị và văn hóa Huế. Về mặt cấu trúc, ngôi chùa Huế mang dáng dấp ngôi nhà rường truyền thống, đình làng và cả cung điện nhà Nguyễn. Tuy nhiên, ở đó vẫn nổi bật lên những nét biến chuyển, phát triển thêm tùy vào chức năng và không gian văn hóa của chính ngôi chùa. Điều này đã tạo nên nét kiến trúc đặc trưng của chùa Huế mà những loại hình kiến trúc khác không có được [13].

Nhìn lại các tư liệu nghiên cứu về chùa Huế trước đây, đa số tập trung vào phần lịch sử ngôi chùa, văn hóa Phật giáo, hoặc chú trọng đến số ít những ngôi chùa tiêu biểu. Bên cạnh đó, các nghiên cứu này thường nêu tổng quan, đặc điểm chung chùa Huế mà chưa có sự thống kê, phân tích số liệu cụ thể. Chính vì vậy, bài viết này phân tích đặc trưng kiến trúc tổng thể chùa Huế qua khảo sát 22 ngôi chùa trên tỉnh Thừa Thiên Huế. Đây là những ngôi chùa được hình thành từ thời Nguyễn, thuộc phái Bắc tông, và có giá trị về mặt lịch sử, văn hóa, kiến trúc.

2. Khái quát lịch sử phát triển Phật giáo Huế

Phật giáo xuất hiện trên Thuận Hóa từ rất lâu nhưng chưa xác định được thời điểm cụ thể. Pho tượng Phật bằng đồng khai quật ở Đồng Dương năm 1911 là một hiện vật minh chứng sự tồn tại của Phật giáo. Khu vực này được xây dựng vào thế kỷ thứ 9 dưới triều vua Indravarman ở Chăm pa. Ở Thuận Hóa, đến thế kỷ 12, người Chăm pa vẫn duy trì tục lệ thờ Phật [2, tr. 27-28]. Năm 1069 khi vua Lý Thánh Tông đánh thắng Chăm pa ở thành Phật Thệ có nhiều tù binh bị bắt. Trong đó, có nhà sư Thảo Đường từ Trung Hoa sang truyền bá đạo Phật. Như vậy xứ Thuận Hóa từ Chăm pa trở về trước đã có thờ đạo Phật tương đối vững vàng, ổn định.

Sau khi hai châu Ô, Rí thuộc về Đại Việt dưới đời nhà Trần, người dân Việt vào khai hoang, lập ấp, mang theo tín ngưỡng dân gian truyền thống kết hợp với văn hóa Chăm pa tạo thành một

¹ TS. KTS. Phó Trưởng Khoa Kiến trúc, trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

² ThS. KTS. Giảng viên Khoa Kiến trúc, trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

³ ThS. KS. Giảng viên Khoa Kiến trúc, trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

tín ngưỡng đa thần giáo. Trong những tín ngưỡng đó, đạo Phật nổi bật lên là một tôn giáo nổi trội. Người dân lập làng đến đâu đều trồng cây đa đầu làng, xây đình và lập chùa. Hầu như làng nào cũng có chùa cho người dân sự chiêm bái, cầu nguyện. Ngôi chùa dạng “đất vua chùa làng” xuất phát từ miền Bắc theo chân người dân du nhập đến vùng đất này, ra đời bên cạnh đình làng đã có từ lâu đời. Thời kì đầu ở Thuận Hóa chỉ có hai loại chùa: chùa công và chùa làng. Chùa công gồm có cả quốc tự và chùa quan do triều đình, quan lại, hoàng thân quốc thích tạo lập sau đó cúng lại cho sư tăng, được triều đình cấp tiền như chùa Sùng Hóa. Chùa Sùng Hóa ở làng Lại Ân huyện Tư Vinh xếp vào hàng quốc tự thuộc loại xưa nhất còn lưu lại ở sách sử cũ nhưng hiện nay đã bị mất.

Các ngôi chùa hiện nay ở Huế hầu hết được xây dựng và trùng tu từ thời các chúa, vua Nguyễn và sau này. Loại chùa ở giai đoạn đầu thời các chúa Nguyễn chủ yếu là chùa làng. Khi đó chỉ đơn sơ là “*những mái chùa tranh, vách đất. Tượng phật bằng đất trộn với trấu, rom rồi tự tay người dân nắn ra; tượng Phật đứng có, tượng ngồi trên tòa sen có. Đó chính là đạo phật của dân làng*” [2, tr.57]. Chùa làng thường ở vị trí cao ráo trong làng, trước chùa có ao sen, trong vườn chùa thường trồng cây ăn quả để thờ cúng Phật.

Sự hình thành rõ nét Phật giáo Huế bắt đầu từ thế kỉ thứ 17, khi chúa Nguyễn Hoàng vào khai phá xứ Đàng Trong. Năm 1601, chúa Nguyễn Hoàng cùng kiến chùa Thiên Mụ trên đồi Hà Khê. Trước đó, đây chỉ là ngôi chùa cổ hoang sơ của người Chăm tọa lạc trên một thắng cảnh nổi tiếng. Ngọn đồi Hà Khê có địa thế “*sơn triều thủy tụ*”, có long mạch phát đế vương cho dòng họ Nguyễn. Chúa Tiên đã nhìn ra giá trị quan trọng của địa thế ấy và làm nó nổi tiếng hơn với một huyền thoại thiêng liêng về bà mẹ trời. Đây là bước đầu tiên để Phật giáo thu phục dân chúng Thuận Hóa, mở ra một thời kì phát triển mạnh mẽ sau này. Ngoài ra, chúa Nguyễn Hoàng cho xây lại chùa Sùng Hóa năm 1602 (làng Lại Ân), chúa Nguyễn Phúc Tần cho xây chùa Tư Khách (1666) ở cửa Tư Khách (cửa Tư Hiền hiện nay)... Ở thời kì này, Phật giáo ảnh hưởng lớn đến chính sách chính trị. Các chúa Nguyễn dùng Phật giáo để thu phục niềm tin của dân chúng vào sự cai trị của dòng họ Nguyễn, đồng thời cũng là chỗ dựa, niềm an ủi tinh thần người dân khi ở vùng đất mới. Do vậy ở Đàng Trong, hàng loạt chùa tháp được xây dựng khang trang với sự giúp sức, bảo hộ của các chúa Nguyễn, các bà phi và quan lại.... Từ đó cõi Thuận Hóa là nơi mà chùa chiền có mặt ở khắp nơi, rải vãi đầy đoàn, hay như C.Borri miêu tả: “*xứ Đàng Trong có nhiều đền chùa rất đẹp với tháp cao và lầu chuông. Mỗi địa điểm dù nhỏ bé đến đâu thì cũng có đền chùa thờ thần cúng phật*” [3, tr. 118].

Tiếp đến, xứ Thuận Hóa bắt đầu có nhiều thảo am, hình thức sơ khai của những ngôi tổ đình gắn liền tên tuổi các thiền sư. Các thiền sư từ Trung Hoa sang như Nguyên Thiều, sư Giác Phong, ngài Minh Hoằng Tử Dung, ngài Khắc Huyền... hay ở miền Nam nước ta nổi tiếng có ngài Liễu Quán từ Phú Yên.

Phật giáo tiếp tục phát triển vào thời các vua Nguyễn. Từ thời vua Gia Long đến thời vua Duy Tân, ngoài việc trùng tu, tái thiết và sửa chữa các chùa Thiên Mụ, Quốc Ân... còn xây thêm các ngôi quốc tự danh tiếng như chùa Giác Hoàng, là vùng đất “tiềm ễ” của vua Minh Mạng (hiện nay đã bị phá bỏ và là cơ quan của Trung tâm Bảo tồn cổ đô Huế) [11, tr. 17]. Năm vua Minh Mạng thứ mười tám (1837), nhà vua cho xây chùa Thánh Duyên trên núi Thúy Vân. Vua Thiệu Trị cũng lấy đất “tiềm ễ” của mình để xây chùa Diệu Đế ở phía Đông kinh thành. Các chùa còn nhờ sự đóng góp, phát tâm của các bà hoàng thái hậu, bà hoàng hậu, các bà phi, công chúa, thái giám, quý bà trong hoàng tộc... *“Bà Hiếu Khương hoàng thái hậu, mẫu hoàng vua Gia Long cho sửa chùa Báo Quốc và cho đổi tên thành Hàm Long Thiên Thọ Tự. Long Thành công chúa, chị em cùng mẹ với vua Gia Long, vào năm 1805 đã cúng 300 quan tiền để trùng tu chùa Quốc Ân và lập một tăng đoàn ở chùa này”* [11, tr.16].

Đến thời Pháp thuộc, Phật giáo suy yếu không thịnh đạt như trước do tình hình đất nước rối ren, kinh tế khó khăn, cũng do thiếu sự ngoại hộ của hoàng gia và do sự xuất hiện của tôn giáo phương Tây. Sau này có phong trào chấn hưng Phật giáo ra đời đầu thế kỉ 20, đứng đầu là An Nam Phật học hội, Phật giáo Huế như bước vào chu kì mới. Phong trào này giúp phục hưng lại Phật giáo, thay đổi lại hệ thống thờ tự, bài trừ những hủ tục mê tín dị đoan trong dân gian, tiết giảm lại hệ thống tượng thờ. Và cũng từ đây, xuất hiện dạng chùa mới trong hệ thống các ngôi chùa ở Thừa Thiên Huế đó là chùa khuôn hội hay còn gọi là Niệm Phật đường. Ở đó, không gian Phật điện chỉ thờ Phật thuần túy mà không còn thờ thần thánh như trước điển hình có chùa hội quán Từ Đàm. Từ đó phát triển hệ thống Niệm Phật đường trên Huế và cả nước.

Tóm lại, Phật giáo xuất hiện ở Thuận Hóa trong khoảng sáu, bảy trăm năm về trước. Chùa Huế có sự đa dạng về nguồn gốc và thể loại. Loại hình xuất hiện sớm nhất là chùa làng, hình thành trong quá trình di cư của người Việt đến mảnh đất mới. Trừ các ngôi quốc tự, chùa quan do quan lại hoàng thân thành lập thì hình dạng ban đầu các ngôi chùa là những “thảo am”. Đó là kiểu nhà dân gian với cấu trúc rường một gian hai chái đơn sơ, mộc mạc. Sau này, các thảo am đó được các vua chúa nhà Nguyễn, bà hoàng, công chúa, quan lại phát tâm quyên góp, trùng tu mở rộng.

Hệ thống chùa ở Huế đa số có mối liên hệ mật thiết với hoàng gia và quan lại triều Nguyễn. Các quốc tự do vua xây dựng, là nơi cầu nguyện của vua chúa, tổ chức các trai đàn của triều đình. Các dạng chùa còn lại đa số được xây dựng và trùng tu nhờ sự đóng góp tiền của nhiệt thành của vua chúa, bà hoàng, quan lại... Và ở chùa cũng thờ tự các bà hoàng, hoàng thân... những người có công to lớn cho việc trùng tu chùa.

Về kiến trúc, chùa Huế kế thừa những đường nét truyền thống của chùa Việt ở miền Bắc thời kì trước cộng thêm đặc trưng kiến trúc vùng miền, kiến trúc dân gian và kiến trúc cung điện triều Nguyễn. Cũng giống như những kiến trúc khác trên đất cố đô, hòa cùng tổng thể đô thị, kiến trúc chùa Huế không thể đồ sộ được. Nét đẹp của nó là vẻ đẹp tinh tế, nhẹ nhàng vừa phải quy mô nhỏ nhắn hơn so với chùa miền Bắc.

3. Đặc trưng kiến trúc tổng thể chùa Huế

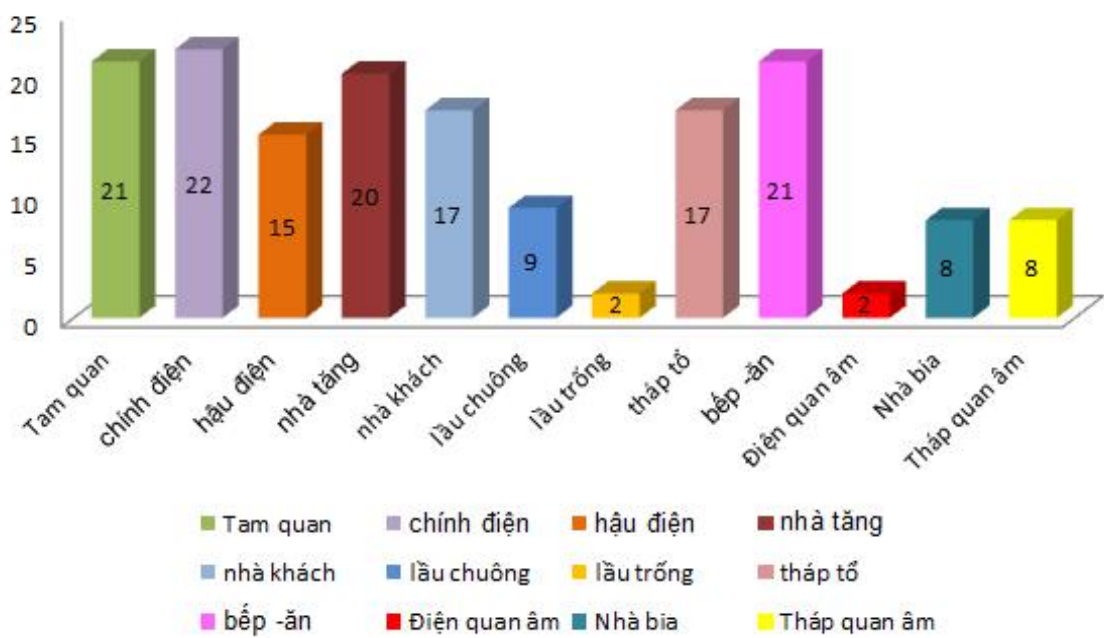
3.1. Bố cục tổng thể chùa Huế

Qua khảo sát cho thấy tổng thể một ngôi chùa thường có những bộ phận chính sau: cổng tam quan, chính điện, nhà hậu, nhà tăng, nhà khách, nhà ăn và bếp, tháp tổ... Ngoài ra, một số chùa có thêm các thành phần khác như lầu chuông, lầu trống, nhà bia, điện/ đài Quan Âm, điện Địa Tạng,... (hình 1). Trong 22 ngôi chùa khảo sát, 14 chùa có đầy đủ thành phần chính nói trên (chùa Báo Quốc, Đông Thuyền, Quốc Ân, Quảng Tế, Từ Đàm, Từ Hiếu, Tây Thiên, Thiền Tôn, Từ Lâm, Trúc Lâm, Viên Thông, Diệu Viên, Linh Quang, và Thiện Khánh).

Tổng thể chùa Huế thể hiện triết lý "thiên nhân tương dữ" nghĩa là thiên nhiên và con người hòa hợp, tương hỗ lẫn nhau. Do vậy kích thước ngôi chùa không to lớn đồ sộ lấn át thiên nhiên mà tương quan tỉ lệ, hoà hợp với thiên nhiên và tầm vóc con người. Bố cục chùa Huế gồm nhiều đơn nguyên kiến trúc dàn trải trên mặt bằng tổng thể mà ít chú trọng phát triển chiều cao không gian. Nên loại hình kiến trúc có độ cao như tháp thờ Phật ở chùa Huế không nhiều, thay vào đó là hệ thống tháp tổ. Ngay cả kích thước ngôi chính điện vẫn rất khiêm tốn và gần gũi chứ không đồ sộ to lớn như những ngôi chùa nhiều gian ở miền Bắc.

Trong tổng thể ngôi chùa, chính điện đóng vai trò là điểm nhấn cùng các công trình xung quanh như nhà tăng, nhà khách, và hậu điện. Bố cục chùa thường chịu ảnh hưởng bởi hình dạng và địa hình khu đất. Tùy theo hình dáng khu đất vuông vức hay trải dài hoặc phát triển theo chiều ngang và tùy địa hình cảnh quan đồi núi xung quanh mà có bố cục thích hợp. Đó là yếu tố tác động đầu tiên lên tư duy kiến tạo về bố cục một ngôi chùa. Như chùa Thiên Mụ ở trên đồi Hà Khê có địa hình cao và khu đất hình chữ nhật nên bố cục phù hợp nhất là kiểu tuyến tính theo

trục dạng chữ “nhất”. Nếu đất hình vuông, bằng phẳng thì bố cục chữ “khẩu”, chữ “đỉnh”, chữ “môn” là phù hợp hơn.



Hình 1: Các thành phần trong bố cục tổng thể chùa Huế

3.2. Phân loại bố cục tổng thể

Dựa vào vị trí của chính điện, hậu điện và tam quan có nằm trên 1 trục hay không mà bố cục tổng thể chùa có thể chia làm 2 dạng: Tam quan-chính điện-hậu điện nằm trên 1 trục và dạng tự do (bảng 1). Nhìn chung, dạng 1 chiếm đa số với 17 chùa được khảo sát.

Bảng 1: Phân loại bố cục tổng thể chùa Huế

Phân loại	Hình ảnh	Các chùa bố trí theo dạng	SL
Dạng 1: Bố cục theo trục (có tam quan - chính điện - hậu điện nằm trên trục chánh đạo)		Đông Thuyền, Trúc Lâm, Từ Lâm, Quốc Ân, Báo Quốc, Quảng Tế, Từ Hiếu, Tây Thiên, Thiền Tôn, Viên Thông, Thiên Mụ, Diệu Đế, Từ Ân, Thiện Khánh, Kim Quang, Ba La Mật, La Chữ	17

Dạng 2: Bố cục tự do		Diệu Viên, Tra Am, Thiền Lâm, Từ Đàm, Linh Quang	5
-----------------------------	--	--------------------------------------------------	---

- Dạng 1: Bố cục bố trí theo trục

Các chùa thuộc dạng này có ít nhất 3 công trình tam quan, chính điện và hậu điện nằm trên 1 trục (trường hợp không có hậu điện thì trục sẽ đi qua tam quan và chính điện). Trục này đi qua tâm các khối chủ đạo trên, do sự phối trí sắp xếp giữa các khối đó mà thành. Các công trình khác của chùa có thể nằm trên trục này hoặc nằm ở vị trí khác tùy vào từng trường hợp cụ thể của tổng thể chùa.

Trong 17 ngôi chùa khảo sát ở dạng 1 thì có 10 ngôi chùa có chính điện, hậu điện và 2 công trình 2 bên (thường là nhà tăng và nhà khách) tạo thành chữ “khẩu”. Bố cục chữ “khẩu” tạo nên một không gian khép kín là sân trong hình vuông ở giữa, để tạo nên sự cân bằng đơn nguyên kiến trúc và giúp dễ dàng thuận tiện trong giao thông đi lại giữa các khối chính. Bố cục này đảm bảo thông thoáng và lấy sáng cho các khối nhà xung quanh, giúp bảo quản đồ đạc, giúp các chư tăng ở một khối nhà có thể quan sát, quản lý đệ tử, phật tử, đồ đạc ở ba khối còn lại. Cả bốn khối đều nhìn ra khoảng sân vuông bố trí cây cảnh ở giữa tạo tính thẩm mỹ và gắn bó mật thiết với nhau. Những ngôi chùa thuộc dạng này có thể kể đến như chùa Đông Thuyền, Báo Quốc, Trúc Lâm, Quốc Ân, Từ Hiếu, Viên Thông, và Quảng Tế (hình 2, 3).



Hình 2: Mặt bằng tổng thể chùa Báo Quốc



Hình 3: Mặt bằng tổng thể chùa Đông Thuyền

Qua khảo sát, bốn công trình tạo chữ “khẩu” luôn nằm ở trung tâm khu đất gọi là “cụm công trình trung tâm”. Ba khối nhà sau chính điện vị trí quy định không được vượt ra trước chính điện. Nhà tăng, nhà khách có thể thay đổi vị trí. Thường khối tích chính điện là lớn nhất và giữa các khối chính điện, nhà hậu, nhà tăng, nhà khách có sự tương xứng về kích thước, khối tích. Các khối phụ còn lại bố trí xung quanh hầu hết theo kiểu phân tán. Sự phân bố các khối trên chịu tác động hình dáng, địa hình khu đất, công năng sử dụng và ý đồ người trụ trì. Các đường hành lang, lối đi sân vườn, các khoảng sân nhỏ kết nối các khối nhà tạo thành một tổ hợp kiến trúc cực kì sống động.

Ngoài ra, liên kết chữ “khẩu” ở một số chùa có thể không khép kín mà hở ra. Có nghĩa là bốn khối chủ đạo gồm chính điện - hậu điện - nhà tăng - nhà khách tuy tập trung lại nhưng không khép kín mà có khoảng hở không gian sân vườn. Khoảng sân trong mở về 1 phía thậm chí cả 2, 3 phía tạo những lối đi sân vườn, lối giao thông ở hành lang, làm không gian sân trong thông thoáng hơn. Đây là kiểu phá cách chữ “khẩu” truyền thống còn gọi là “chữ khẩu mở”. Các khối nhà xây thêm ở những đợt sau không có quy hoạch nhất định chủ yếu theo ý muốn trụ trì và đáp ứng sự thuận tiện sử dụng công năng và giao thông đi lại. Những ngôi chùa ở dạng này có thể kể đến như chùa Thiên Tôn, Từ Lâm, Tây Thiên (hình 4, 5).



Hình 4: Mặt bằng tổng thể chùa Thiên Tôn (chữ “khẩu” mở)



Hình 5: Mặt bằng tổng thể chùa Tây Thiên (chữ “khẩu” mở)

Bảy ngôi chùa còn lại ở dạng 1 này có bố cục tổng thể không sắp xếp theo chữ “khẩu” mà thường các công trình được bố trí khá đa dạng và tự do trừ tam quan, chính điện và hậu điện nằm

trên 1 trục. Một số chùa không có hậu điện nhưng có tam quan và chính điện nằm trên 1 trục thì vẫn xếp vào dạng này như chùa Diệu Đế, Ba La Mật và La Chử (hình 6, 7).



Hình 6: Mặt bằng tổng thể chùa Diệu Đế



Hình 7: Mặt bằng tổng thể chùa Ba La Mật

Chùa Ba La Mật không có hậu điện nhưng thay vào đó là điện Quan Âm thờ phật Bà nghìn mắt nghìn tay. Các thành phần chính bố trí đăng đối và dàn trải trên trục chính, các khối phụ phân bố một bên trục chính theo kiểu phân tán.

Chùa Diệu Đế có bố cục không theo chữ “khẩu” mà hài hòa đối xứng cho từng công trình, lấy chính điện làm vị trí trung tâm. Do là quốc tự nên trong chùa không có tháp tổ. Các khối phụ bố trí hai bên chính điện. Ở phía trước sân chùa lầu chuông đăng đối với nhà bia.

Chùa Thiên Mụ có bố cục đăng đối tạo thành chữ “nhất” và riêng 3 công trình chính (điện Đại Hùng, điện Địa Tạng và điện Quan Âm) thì tạo thành chữ “tam”. Tổng thể chùa Thiên Mụ có thể chia làm 2 phần: phần ngoài đến cổng tam quan tượng trưng cho ngành nề gồm những kiến trúc đúc cuốn nặng nề mang chức năng lưu niệm như nhà bia, tháp và phần trong tượng trưng cho ngành mộc là hệ thống các kiến trúc thanh mảnh hơn bằng gỗ như điện Đại Hùng, điện Quan Âm, điện Địa Tạng (hình 8).

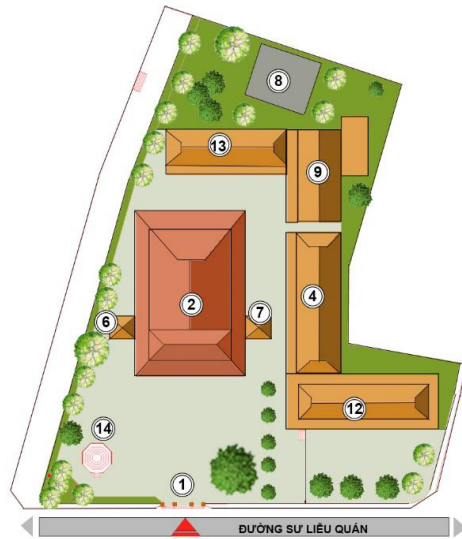


Hình 8: Mặt bằng tổng thể và tháp Phước Duyên chùa Thiên Mụ

- Dạng 2: Bố cục tự do

Hai trong số 5 ngôi chùa ở dạng này có tam quan và chính điện nằm trên 1 trục và hậu điện nằm lệch so với trục (chùa Từ Đàm và chùa Linh Quang). Nguyên nhân bố trí bị lệch là do địa hình và hình dáng khu đất nhỏ hẹp không đủ diện tích, đủ vuông vức để bố trí hậu điện - chính điện đối xứng. Chẳng hạn ở chùa Từ Đàm, hình dáng đất bị vát chéo và hẹp ở mặt bên chùa phía đường Điện Biên Phủ nên khối nhà hậu phải bố trí lệch về bên trong khu đất (Hình 9).

Chùa Diệu Viên và Tra Am có chính điện, hậu điện, nhà tăng và nhà khách tạo thành “chữ khẩu” như thường thấy ở chùa Huế. Tuy nhiên, tam quan lại bố trí lệch sang một bên. Việc bố trí tam quan nằm lệch do địa hình (ở chùa Tra Am) hoặc do quan điểm của trụ trì trước đây muốn thể hiện sự kín đáo của cổng vào mà không thích phô trương vì chùa dành cho sư nữ (chùa Diệu Viên) (hình 10).



Hình 9: Mặt bằng tổng thể chùa Từ Đàm



Hình 10: Mặt bằng tổng thể chùa Diệu Viên

Chùa Thiên Lâm có mặt bằng tổng thể khá tự do và không theo quy luật thường thấy ở các chùa Huế (hình 11). Tam quan chùa xoay hướng Đông Bắc do chùa chỉ có lối tiếp cận duy nhất từ đường Điện Biên Phủ ở hướng này. Chính điện chùa xoay hướng Đông Nam theo quan điểm của trụ trì. Các công trình khác được xây thời gian sau tùy theo nhu cầu sử dụng của chùa.



Hình 10: Mặt bằng tổng thể chùa Thiên Lâm

4. Kết luận

Bố cục chùa Huế đa số bố trí theo trục chính đạo (17 chùa). Đặc điểm này kế thừa truyền thống chùa Việt là thường bố trí theo trục hoặc hướng về 1 điểm trung tâm. Trục chính đạo được hình thành trên sự bố trí của các khối chủ đạo. Phổ biến và mang nhiều nét đặc trưng nhất là bố cục chữ “khẩu” ở 10 ngôi chùa. Chiếm số lượng lớn thứ hai là bố cục theo trục nhưng bố trí tự do. Dạng này tuy có tam quan và chính điện nằm trên trục nhưng lại đa dạng về tổ hợp mặt bằng và các khối phụ bố trí theo địa hình, hình dáng khu đất thể hiện sự linh hoạt. Những ngôi chùa còn lại có bố cục tự do và không theo trục.

Bên cạnh đó, qua khảo sát cho thấy các ngôi quốc tự như chùa Thiên Mụ, Diệu Đế thường có mặt bằng tổng thể đăng đối và nhấn mạnh vào trục chính đạo ở giữa, không có bố cục chữ “khẩu”. Đối với các chùa tổ như Báo Quốc, Quốc Ân, Viên Thông... thì thường có bố cục chữ “khẩu” ở trung tâm tổng thể và một số ít có thể qua nhiều lần trùng tu mà biến thể thành “khẩu mờ”. Những chùa làng và dạng khác thì tổng thể khá đa dạng và tự do. Tuy nhiên, dù ở dạng chùa nào thì tổng thể chùa Huế đều tuân theo những nguyên tắc cố định, đó là:

- Bố cục cân xứng hài hòa: chùa là một quần thể kiến trúc thường đăng đối theo một trục dọc hoặc quy tụ vào một điểm. Đồng thời, vận dụng khéo léo các yếu tố tạo hình khác như: thống nhất và biến hóa, cân bằng và ổn định, tỉ lệ và tầm thước...

- Bố cục tuân theo nguyên tắc chính - phụ và trọng điểm rất rõ ràng. Tòa chính điện thờ phật là trung tâm và là bộ phận chủ yếu nhất của ngôi chùa. Tất cả các khối kiến trúc trước, sau và xung quanh chỉ là phụ trợ, tôn chính điện lên. Trong bố cục bao giờ chính điện cũng ở vị trí trung tâm, nằm trên trục thần đạo. (Trong 22 chùa trên, 17 chùa có chính điện nằm ở trung tâm, 5 chùa còn lại chính điện nằm gần với cổng tam quan hơn). Nó là công trình có khối tích lớn nhất, cao rộng và tập trung mọi tinh hoa kiến trúc và nghệ thuật trang trí. Các kiến trúc thứ yếu có kiến trúc tương tự nhưng kích thước thấp hơn, đường nét đơn giản, trang trí khiêm tốn, sơ sài hơn.

- Bố cục có sự liên hệ và phân cách: thể hiện qua yếu tố hình khối thiên nhiên và kiến trúc công trình tương đối độc lập nhưng nhờ không gian mở của hàng hiên, cửa các dãy nhà hành lang, làm yếu tố chuyển tiếp đã khiến không gian cảnh quan như ăn nhập hòa vào công trình. Sự liên hệ ở đây còn được thể hiện bởi các dãy hành lang kết nối các công trình chính của chùa đảm bảo một liên kết chặt chẽ về không gian và thích dụng.

N.T.M.X & N.N.T & T.T.N

TÓM TẮT

Khảo sát 22 ngôi chùa thời Nguyễn cho thấy bố cục tổng thể một ngôi chùa thường có những bộ phận chính sau: Cổng tam quan, chính điện, nhà hậu, nhà tăng, nhà khách, nhà ăn và bếp, tháp tổ, và các thành phần khác như lầu chuông, lầu trống, nhà bia, điện/ đài Quan Âm, điện Địa Tạng, ... Đa số các chùa có tam quan-chính điện-hậu điện nằm trên 1 trục (17 chùa). Trong những chùa này, chính điện, hậu điện và 2 công trình 2 bên (thường là nhà tăng và nhà khách) tạo thành chữ “khẩu” kín hoặc “khẩu” mở. Qua khảo sát, mặt bằng tổng thể của các quốc tự (chùa Thiên Mụ, Diệu Đế) thường có dạng đăng đối và nhấn mạnh vào trục chính đạo ở giữa, không có bố cục chữ “khẩu”. Ngược lại, các chùa tổ (chùa Báo Quốc, Quốc Ân, Viên Thông) lại thường có bố cục chữ “khẩu”. Những chùa làng và dạng khác thì tổng thể khá đa dạng và tự do. Dù ở dạng chùa nào thì tổng thể chùa Huế đều tuân theo những nguyên tắc cố định, đó là: Bố cục cân xứng hài hòa; Bố cục tuân theo nguyên tắc chính - phụ và trọng điểm rất rõ ràng; và Bố cục có sự liên hệ và phân cách.

SUMMARY

LAYOUT ARCHITECTURAL CHARACTERISTICS OF HUE PAGODAS IN

NGUYEN PERIOD

The survey of 22 pagodas during Nguyễn period shows that layout of a typical pagoda consists of main elements as follows: Cổng tam quan (triple-door gate), chính điện (main hall), nhà hậu (rear house), nhà tăng (monk house), nhà khách (guest house), nhà ăn và bếp (dining room and kitchen), tháp tổ (master stupa), and others such as lầu chuông (bell tower), lầu trống (drum tower), nhà bia (tombstone hall), điện/ đài Quan Âm (Quanyin temple), điện Địa Tạng (Kshitigarbha), etc. Most of pagodas have triple-door gate - main hall - rear house, which are placed on an axis (17 pagodas). Among them, arrangement of main hall, rear house and two-sides buildings (normally are monk house and guest house) can create as closed or opened “khẩu” letters. Based on the survey, layout of national pagodas (Thiên Mụ, Diệu Đế pagodas) normally has a proportioned shape with a main axis and has no “khẩu” letter. However, buddhist master pagodas (Báo Quốc, Quốc Ân, Viên Thông pagodas) usually have layout

of “khẩu” letter. Village pagodas and others have various and flexible layouts. In summary, layout of Hue pagodas follow some principles, which are: Harmonious and balancing layout; Principal - accessory and major principles in layout; and layout having connection and separation.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Thích Hải Ấn (2016). Những nét kiến trúc chùa Huế. *Kỷ yếu hội thảo “Văn hóa phật giáo Việt Nam thống nhất trong đa dạng”*, Ban văn hóa - ban nghi lễ Trung ương, Hà Nội, 2 - 3/7/2016, tr.129 - 163.
- [2]. Thích Hải Ấn & Hà Xuân Liêm (2001). *Lịch sử phật giáo xứ Huế*. NXB TP. Hồ Chí Minh.
- [3] Cristophoro Borri (1931). *Xứ đàng trong năm 1621*. Bản dịch của Hồng Nhuệ, Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Nghị. NXB TP. Hồ Chí Minh 1998.
- [4]. Đặng Vinh Dự (2017). *Ngôn ngữ biểu tượng tại các ngôi chùa ở Thừa Thiên Huế*, Luận án Tiến sĩ Dân tộc học – Khoa Lịch sử, Đại học Khoa học, Huế.
- [5]. Đặng Vinh Dự (2017). Tổ đình xứ Huế. *Huế xưa và nay*, số 135, tr. 36 - 41.
- [6]. Hà Xuân Dương (1999). *Kiến trúc chùa Thiên Mụ*. NXB Đà Nẵng.
- [7]. Nguyễn Phước Bảo Đàn (2010). Kiến trúc chùa Huế: giá trị của một di sản giữa lòng thành phố di sản. *Kỷ yếu hội thảo “Di sản văn hóa phật giáo và vấn đề phát triển du lịch ở Huế”*, Phân viện nghiên cứu văn hóa thông tin tại Huế.
- [8]. Thích Kiên Định (2013). *Lược sử chùa Thiên Tôn và tổ liễu quán truyền thừa*. NXB Tôn Giáo.
- [9]. Tạ Quốc Khánh (2013). *Chùa sắc tứ ở xứ Huế*. Luận án Tiến sĩ Triết học - Học viện khoa học xã hội, Hà Nội.
- [10]. Nguyễn Bá Lăng (1972). *Kiến Trúc Phật giáo Việt Nam*, tập 1. Viện đại học Vạn Hạnh, Sài Gòn.
- [11]. Hà Xuân Liêm (2000). *Những ngôi chùa Huế*. NXB Thuận Hóa.
- [12]. Phạm Đăng Nhật Thái (2017). *Các đặc trưng của chùa truyền thống với loại hình chữ Khẩu ở thành phố Huế*, Đề tài NCKH cấp cơ sở trường Đại học Khoa học, Huế.
- [13]. Nguyễn Hữu Thông, Trần Đại Vinh, Lê Văn Sách (1993). *Danh lam xứ Huế*. NXB Hội nhà văn.
- [14]. Chu Quang Trứ (1998). *Văn hóa mỹ thuật Huế*. NXB Thuận Hóa.
- [15]. Nguyễn Ngọc Tùng, Nguyễn Thị Minh Xuân (2016). *Giáo trình lịch sử kiến trúc Việt Nam*. NXB Đại Học Huế, Huế.